

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2024 – 2025

(Quyết định số 561/QĐ-THPTCT ngày 9/8/2024 của trường THPT Cô Tô về thực hiện công bố công khai (bổ sung) năm học 2023-2024)

STT	Nội dung	Chia theo khối/lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Thực hiện đúng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ, Sở và của Tỉnh. - Tuyển sinh 100% học sinh hoàn thành chương trình học THCS trên địa bàn. - Hình thức: Xét tuyển; Chỉ tiêu giao: 94; Kết quả tuyển sinh: 88 (QĐ số 778/QĐ-SGDĐT ngày 16/7/2024)	- Đủ điều kiện	- Đủ điều kiện
II	Chương trình Giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập nghiêm	- Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập nghiêm	- Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Nhà trường và Hội CMHS; Nhà trường và các tổ chức xã hội khác - Học sinh có thái độ học tập nghiêm

		túc, có tiêu học tập rõ ràng	túc, có tiêu học tập rõ ràng	túc, có tiêu học tập rõ ràng
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động phù hợp với tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,...	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động phù hợp với tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,...	- Huy động các nguồn lực đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học - Xây dựng môi trường học tập lành mạnh; Tổ chức tốt các hoạt động phù hợp với tâm lí, lứa tuổi học sinh như: thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ; Tổ chức các cuộc thi; Thành lập các câu lạc bộ,...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Đạt trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Đạt trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.	- 100% học sinh có kết quả năng lực, phẩm chất: Khá, tốt - 100% học sinh có kết quả học tập: Trung bình trở lên - 100% học sinh được tư vấn và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập	100% học sinh có khả năng tiếp tục học tập

Cô Tô, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hải Phòng

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2024 – 2025**

(Quyết định số 561/QĐ-THPTCT ngày 9/8/2024 của trường THPT Cô Tô về thực hiện công bố
công khai (bổ sung) năm học 2023-2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/Rèn luyện	239	73	81	85
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	163 = 68.2	48 = 65.75	58 = 71.6	57 = 67.06
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	67 = 28.03	18 = 24.66	21 = 25.93	28 = 32.94
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9 = 3.76	7 = 9.59	2 = 2.47	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	239	73	81	85
1	Giỏi/Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	40 = 16.73	9 = 12.33	11 = 13.58	20 = 23.53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	132 = 55.23	27 = 36.99	44 = 54.32	61 = 71.76
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	67 = 28.03	37 = 50.68	26 = 32.1	4 = 4.71
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	239	73	81	85
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	239	73 = 100	81 = 100	85 = 100
A	Học sinh giỏi/Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	40 = 16.73	9 = 12.33	11 = 13.58	20 = 23.53
B	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	61 = 25.52	0	0	61 = 71.76
2	Thi lại	0	0	0	0



	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7 trong đó: HS chuyển đi: 6 HS chuyển đến: 1	chuyển đi3	chuyển đi2	chuyển đi1 chuyển đến1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8	7	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	+ Cuộc thi ảnh “Cô Tô trong trái tim tôi”: 01 Giải cộng đồng mạng yêu thích nhất; 01 giải Nhì + Giải bóng đá Cô Tô super ball 2024: 01 giải Ba + Giải cầu lông: 03 Giải nhất; 03 Giải nhì; 04 Giải Ba			
2	Cấp tỉnh/thành phố	+ Văn hóa: 01 giải khuyến khích môn Tin học + Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh: 01 HCD Bóng bàn đôi nam nữ; 01 HCD Cờ vua; 01 HCD Điền kinh 800m nữ; 01 HCD Cầu lông đơn nữ; 01 HCD Cầu lông đôi nữ + Giải Điền kinh cấp tỉnh: 01 -HCD Điền kinh cấp tỉnh 800m + Giải Pencatsilat cấp tỉnh: 01 HCV hạng 45kg nữ lứa			

		tuổi 2; 01 HCV hạng 63kg nữ lứa tuổi 2; 01 HCB hạng 48kg nữ lứa tuổi 2; 01 HCB hạng 51kg nữ lứa tuổi 2; 01 HCB hạng 45kg nam lứa tuổi 2; 01 HCB hạng 63kg nam			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	85	0	0	85
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	85 = 100	0	0	85
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	45/85 = 52.9	0	0	45
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	Nam 120 Nữ 119	Nam 42 Nữ 31	Nam 35 Nữ 46	Nam 43 Nữ 42
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5/239 = 2.09	1/73	3/81	1/85

Cô Tô, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hải Phòng